

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN BIÊN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 20-01-2022  
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc An.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;
2. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Tạ Thị K, sinh năm 1997, vắng mặt;

**Cư trú tại:** Tổ 5, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

**- Bị đơn:** Anh Phạm Đình T, sinh năm 1997, vắng mặt;

**Cư trú tại:** Tổ 5, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 11 năm 2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Tạ Thị K trình trình:*

- Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2014, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng

01 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cự cãi nhau thường xuyên. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Chị xét thấy vợ, chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Đình T;

- Về con chung: Chị và anh T chung sống có một con chung là cháu Tạ Thị Ngọc M, sinh ngày 16/7/2015. Nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/12/2021 bị đơn anh Phạm Đình T trình trình:*

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị K về quá trình chung sống vợ chồng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Tạ Thị K.

- Về con chung: Anh và chị K có một con chung là cháu Tạ Thị Ngọc M, sinh ngày 16/7/2015, hiện nay cháu đang chung sống với chị K. Nay ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị K nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Tạ Thị K và bị đơn anh Phạm Đình T vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Tạ Thị K và anh Phạm Đình T là vợ chồng;

Về con chung: Giao chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tạ Thị Ngọc M, sinh ngày 16/7/2015, ghi nhận chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị K, anh T không yêu cầu giải quyết;

Về án phí: Chị Tạ Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Tạ Thị K và anh Phạm Đình T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị K và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Tạ Thị K và anh Phạm Đình T chung sống như vợ chồng từ năm 2014 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn. Nên việc chung sống giữa chị K, anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tạ Thị K và anh Phạm Văn T.

[3] Về con chung: Chị K, anh T có một con chung là Tạ Thị Ngọc M, sinh ngày 16/7/2015. Hiện nay cháu M đang sống với chị K, chị K yêu cầu nuôi dưỡng con chung, anh T đồng ý. Xét việc thỏa T về người trực tiếp nuôi con giữa chị K, anh T là hoàn toàn tự nguyện, do đó cần giao chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị K đã được giải thích theo quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con thành niên nhưng chị K vẫn không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu M nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tạ Thị K và anh Phạm Đình T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tạ Thị K chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tạ Thị K và anh Phạm Đình T.

2. Về con chung: Giao chị Tạ Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Thị Ngọc M, sinh ngày 16/7/2015. Ghi nhận chị Tạ Thị K không yêu cầu anh Phạm Đình T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Tạ Thị K cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Phạm Đình T

không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tạ Thị K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003606, ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Tạ Thị K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Tạ Thị K và anh Phạm Đình T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- PKTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.(L).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Đặng Ngọc An**